

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: **03/2022/TLST-HNGĐ** ngày **11** tháng **10** năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Chị Kháng Thị Đ, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Bản C, xã P huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu.

Bị đơn: Anh Tráng A K, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Bản C, xã P huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều **54, 55, 57, 58, 81, 82, 83** của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày **02** tháng **11** năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày **02** tháng **11** năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Kháng Thị Đ và anh Tráng A K.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Kháng Thị Đ và anh Tráng A K thuận tình ly hôn.

- **Việc nuôi con chung:** Chị Kháng Thị Đ và anh Tráng A K có **ba** con chung chưa thành niên là **Tráng A B, sinh ngày 01/12/2013, Tráng A T, sinh ngày 27/12/2014 và Tráng A Ch, sinh ngày 11/3/2017.** Chị Kháng Thị Đ và anh Tráng A K thỏa thuận như sau:

Anh Tráng A K là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục **ba** con chung là **Tráng A B, Tráng A T và Tráng A Ch**, cho đến khi **ba** con chung thành niên (đủ 18 tuổi), không mất năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động. Về cấp dưỡng nuôi con chung anh Tráng A K không yêu cầu chị Kháng Thị Đ cấp dưỡng nuôi **ba** con chung **nên Tòa án không xem xét giải quyết.**

Chị Kháng Thị Đ có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với anh Kang. Anh K có quyền yêu cầu chị Đ cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Chị Kháng Thị Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- **Về chia tài sản:** Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung chị Kháng Thị Đ và anh Tráng A K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Chị Kháng Thị Đ và anh Tráng A K mỗi người phải chịu 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ghi nhận sự thỏa thuận của **các đương sự** là để chị Kháng Thị Đ nộp toàn bộ số tiền án phí mà anh K phải nộp. Tổng cộng chị Kháng Thị Đ phải nộp là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm **chị Đ** đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số: **AA/2021/0000935 ngày 11/10/2022** tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu. Chị Kháng Thị Đ được hoàn trả lại số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND **xã P, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu;**
- Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Than Uyên;
- Chi cục THADS huyện Than Uyên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lương Thị Mỹ Hằng